

THÔNG BÁO
Cảnh báo học tập, cảnh báo buộc thôi học

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 406/NQ-HDT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 793/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên trình độ đại học hình thức Chính quy, học viên Sau đại học học kỳ 2 năm học 2025 - 2026.

Trường Đại học Hà Nội thông báo:

1. Cảnh báo học tập, cảnh báo buộc thôi học 837 sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo Chính quy.

(Có danh sách kèm theo).

2. Lý do cảnh báo học tập, cảnh báo buộc thôi học:

2.1. Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký trong học kỳ.
- Tổng số tín chỉ nợ từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ.
- Điểm TBC học kỳ dưới 0.8 đối với học kỳ đầu hoặc 1.0 đối với các học kỳ tiếp theo.
- Điểm TBC tích lũy dưới 1.2 đối với SV trình độ năm thứ nhất, dưới 1.4 đối với SV trình độ năm thứ 2, dưới 1.6 đối với SV trình độ năm thứ 3 hoặc dưới 1.8 đối với sinh viên trình độ năm thứ tư.

2.2. Sinh viên, học viên bị cảnh báo buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Số lần cảnh báo học tập vượt quá 5 lần trong toàn khóa học.
- Số lần cảnh báo học tập quá 2 lần liên tiếp.
- Thời gian học tập vượt quá thời hạn theo quy định.
- Bị kỷ luật lần thứ 2 vì lý do thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

- Sử dụng hồ sơ văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp.
- Tự ý bỏ học từ một học kỳ trở lên.
- Quá hạn nghỉ học tạm thời cho phép, không nhập học lại sau khi hết thời gian đi học trao đổi.

3. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo cho sinh viên, học viên thuộc đơn vị mình quản lý biết và thực hiện.

4. Thời gian giải quyết thắc mắc, khiếu nại: ***Từ ngày 11 đến ngày 17 tháng 8 năm 2026*** tại Phòng Quản lý đào tạo: Phòng 111, 118 nhà A, Trường Đại học Hà Nội, Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243 8544 338, máy lẻ 3366, 1133, 1134, 1135.

Email: phongdaotao@hanu.edu.vn

Đề nghị các đơn vị đào tạo, các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung thông báo này./.

Nơi nhận:

- Các Đơn vị đào tạo;
- Phòng TC-KT;
- Phòng CTSV & QHDN;
- Lưu VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dũng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH SINH VIÊN, HỌC VIÊN BỊ CẢNH BÁO HỌC TẬP, CẢNH BÁO BUỘC THÔI HỌC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 -2026
(Kèm theo Thông báo số: 3184/TB-ĐHHN ngày 07 tháng 7 năm 2026)**

Giải thích từ ngữ:

HT xử lý học vụ	Hình thức xử lý học vụ
CBHT	Cảnh báo học tập
CBBTH	Cảnh báo buộc thôi học

Các lý do bị cảnh báo học tập:

- 1 Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký trong học kỳ
- 2 Tổng số tín chỉ nợ từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ
- 3 Điểm TBC học kỳ dưới 0.8 đối với học kỳ đầu hoặc 1.0 đối với các học kỳ tiếp theo
- 4 Điểm TBC tích lũy dưới 1.2 đối với SV trình độ năm thứ nhất, dưới 1.4 đối với SV trình độ năm thứ 2, dưới 1.6 đối với SV trình độ năm thứ 3 hoặc dưới 1.8 c

Các lý do bị cảnh báo buộc thôi học:

- 5 Số lần cảnh báo học tập vượt quá 5 lần trong toàn khóa học
- 6 Số lần cảnh báo học tập quá 2 lần liên tiếp
- 7 Thời gian học tập vượt quá thời hạn theo quy định
- 8 Bị kỷ luật lần thứ 2 vì lý do thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên
- 9 Sử dụng hồ sơ văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp
- 10 Tự ý bỏ học từ một học kỳ trở lên
- 11 Quá hạn nghỉ học tạm thời cho phép, không nhập học lại sau khi hết thời gian đi học trao đổi.

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
1	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Huy Hiệp	2101040086	1C-21	2021	1, 2, 3, 5, 6	CBBTH	
2	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Trung Đức	2101040062	2C-21	2021	1, 3	CBHT	
3	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Lê Việt Hồng	2101040095	2C-21	2021	1	CBHT	
4	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Tiến Thành	2101040168	3C-21	2021	1, 2	CBHT	
5	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Phan Anh Thư	2101040178	3C-21	2021	1, 2, 3, 5, 6	CBBTH	
6	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Đàm Thị Thường	2101040181	3C-21	2021	2	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
7	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2101040193	3C-21	2021	1, 3	CBHT	
8	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Vũ Thùy Trang	2101040195	3C-21	2021	1, 2, 3, 5, 6	CBBTH	
9	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Quang Tùng	2101040204	3C-21	2021	1	CBHT	
10	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Trần Trọng Phúc	2101040141	4C-21	2021	1, 3	CBHT	
11	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Mai Đức Đạt	2101040051	5C-21	2021	1	CBHT	
12	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Phan Anh	2101040025	6C-21	2021	2, 10	CBBTH	
13	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Tùng Lâm	2101040108	6C-21	2021	1, 2, 3	CBHT	
14	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Anh Quân	2101040146	6C-21	2021	1, 2, 3, 5, 6	CBBTH	
15	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Đinh Xuân Trường	2101040200	6C-21	2021	1, 2, 3, 5	CBBTH	
16	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Tạ Quang Trung	2101040199	7C-21	2021	1, 3	CBHT	
17	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Huy Hoàng	2201040075	1C-22	2022	1, 2, 5, 6	CBBTH	
18	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Đỗ Thị Ngọc Ánh	2201040012	2C-22	2022	2, 6	CBBTH	
19	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Cao Hữu Quang	2201040145	2C-22	2022	1	CBHT	
20	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Trần Viết Dũng	2201040030	3C-22	2022	1, 2, 6	CBBTH	
21	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Vũ Ngọc Kiên	2201040088	3C-22	2022	1, 3	CBHT	
22	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Lã Hoàng Khánh Dương	2201040034	4C-22	2022	1, 2, 3, 4	CBHT	
23	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Hà Quốc Hoàn	2201040073	7C-22	2022	1, 2, 3, 5, 6	CBBTH	
24	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Đàm Nguyên Giáp	2301040055	1C-22	2023	1, 3	CBHT	
25	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Trung Kiên	2301040095	1C-22	2023	2	CBHT	
26	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Lê Uyển Châu	2301040022	1C-23	2023	2, 6	CBBTH	
27	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Hoàng Anh Đức	2301040045	1C-23	2023	2, 10	CBBTH	
28	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Ngô Hoàng Giang	2301040053	1C-23	2023	2, 6	CBBTH	
29	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Bàn Ngọc Hân	2301040061	1C-23	2023	2, 6	CBBTH	
30	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Trung Hiếu	2301040072	1C-23	2023	2	CBHT	
31	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Phú Kiên	2301040094	1C-23	2023	2, 6	CBBTH	
32	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Trịnh Văn Nam	2301040134	1C-23	2023	1, 2, 3	CBHT	
33	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Triệu Vũ Dũng	2301040032	3C-23	2023	1, 2, 3, 6	CBBTH	
34	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Vũ Trung Nguyên	2301040141	3C-23	2023	1	CBHT	
35	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Phạm Đức Anh	2301040010	4C-23	2023	1, 2, 6	CBBTH	
36	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Huy Hoàng	2301040081	4C-23	2023	1, 2	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
37	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Minh	Quân	2301040159	4C-23	2023	1, 3	CBHT	
38	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Trần Văn	Vinh	2301040200	4C-23	2023	1, 3	CBHT	
39	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Tùng	Dương	2301040033	5C-23	2023	1, 2, 3	CBHT	
40	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Bùi Thu	Huyền	2301040087	5C-23	2023	2, 6	CBBTH	
41	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thế	Kiệt	2301040097	5C-23	2023	10, 11	CBBTH	
42	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Nam	Phương	2301040151	5C-23	2023	1, 3	CBHT	
43	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hoàng	Phong	2301040147	6C-23	2023	2	CBHT	
44	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Đào Minh	Khuê	2401040004	1C-24	2024	1	CBHT	
45	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Tùng	Lâm	2401040014	1C-24	2024	1, 3	CBHT	
46	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Duy	Anh	2401040033	1C-24	2024	1	CBHT	
47	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Phạm Bá	Vinh	2401040060	1C-24	2024	1, 2, 3	CBHT	
48	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Doãn Bảo	Trâm	2401040140	1C-24	2024	1, 2, 3	CBHT	
49	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Phạm Thành	Đạt	2401040145	1C-24	2024	3	CBHT	
50	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Phạm Thị Thùy	Trâm	2401040034	2C-24	2024	1	CBHT	
51	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Phan Duy	Khánh	2401040040	2C-24	2024	1, 3	CBHT	
52	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Thạch Minh	Quang	2401040043	2C-24	2024	1, 3	CBHT	
53	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Đức	Anh	2401040047	2C-24	2024	1	CBHT	
54	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Tạ Hoàng	Lân	2401040049	2C-24	2024	1, 3	CBHT	
55	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Lê Ngọc	Đồng	2401040051	2C-24	2024	1, 3	CBHT	
56	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Vũ Thị Kiều	Trang	2401040062	2C-24	2024	1	CBHT	
57	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Anh	Quân	2401040172	2C-24	2024	1	CBHT	
58	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Vũ Thành	Long	2401040070	3C-24	2024	1	CBHT	
59	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Trần Gia	Phú	2401040077	3C-24	2024	1	CBHT	
60	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Vương Đức	Khánh	2401040079	3C-24	2024	1, 3	CBHT	
61	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Ánh	Dương	2401040080	3C-24	2024	1, 2, 3	CBHT	
62	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Đặng Đức	Chính	2401040085	3C-24	2024	1, 3	CBHT	
63	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Đức	Anh	2401040090	3C-24	2024	1	CBHT	
64	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Mai Xuân	Minh	2401040041	4C-24	2024	1	CBHT	
65	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Lê Văn Nguyễn	Dương	2401040103	4C-24	2024	1	CBHT	
66	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Biện Văn	Phú	2401040107	4C-24	2024	1, 3	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
67	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Dương Đức Duy	2401040114	4C-24	2024	1	CBHT	
68	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Vy Hải Đăng	2401040117	4C-24	2024	1	CBHT	
69	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Hoàng Sơn	2401040121	4C-24	2024	1	CBHT	
70	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Thu Trang	2401040058	5C-24	2024	1	CBHT	
71	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Triều Dương	2401040131	5C-24	2024	1	CBHT	
72	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Phạm Minh Đức	2401040137	5C-24	2024	1, 3	CBHT	
73	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Phạm Văn Nam	2401040144	5C-24	2024	1	CBHT	
74	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Anh Tuấn	2401040146	5C-24	2024	1, 3	CBHT	
75	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Lê Hà Chi	2401040153	5C-24	2024	1, 3	CBHT	
76	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Đặng Nguyễn Dạ Thảo	2401040154	5C-24	2024	1, 3	CBHT	
77	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin	Hoàng Văn Long	2401040156	5C-24	2024	10	CBBTH	
78	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Thiện Khiêm	2401040157	5C-24	2024	1, 3	CBHT	
79	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Lê Đức Mạnh	2401040158	5C-24	2024	1, 2, 3, 4	CBHT	
80	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Đỗ Hùng Anh	2401040159	5C-24	2024	1, 3	CBHT	
81	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Quang Minh	2401040166	6C-24	2024	1	CBHT	
82	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Tổng Minh Trang	2401040168	6C-24	2024	1	CBHT	
83	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Đặng Tiến Anh	2401040170	6C-24	2024	1	CBHT	
84	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Thiều Minh Hiếu	2401040179	6C-24	2024	1	CBHT	
85	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Lê Tuấn Dũng	2401040180	6C-24	2024	1	CBHT	
86	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Bùi Tiến Đạt	2401040183	6C-24	2024	1	CBHT	
87	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Nguyễn Đình Hiếu	2401040190	6C-24	2024	1, 3	CBHT	
88	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Đỗ Trung Hiếu	2401040191	6C-24	2024	1	CBHT	
89	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin	Lê Chí Bảo	2401040194	6C-24	2024	1, 2, 3	CBHT	
90	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Mộc Khánh Duy	2101140021	1C-21C	2021	1, 2, 3, 5	CBBTH	
91	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Nguyễn Sỹ Mạnh	2101140052	1C-21C	2021	1	CBHT	
92	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Tạ Hải Long	2101140049	3C-22C	2021	1	CBHT	
93	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Bùi Việt Hoàng	2201140031	1C-22C	2022	1	CBHT	
94	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Nguyễn Xuân Huy	2201140036	1C-22C	2022	1, 2	CBHT	
95	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Ngô Quang Trung	2201140097	1C-22C	2022	1, 2, 6	CBBTH	
96	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Nguyễn Văn Bắc	2201140015	2C-22C	2022	1	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
97	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Vũ Quốc Nhật	2201140058	2C-22C	2022	2, 6, 10	CBBTH	
98	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Phạm Xuân Thành	2201140086	2C-22C	2022	1, 2	CBHT	
99	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Trần Văn Phúc	2201140065	2C-23C	2022	1, 2	CBHT	
100	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Phạm Đình Huy	2201140037	3C-22C	2022	2, 6	CBBTH	
101	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Bùi Minh Tú	2201140078	3C-22C	2022	2, 6	CBBTH	
102	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Nguyễn Thế Hưng	2301140048	1C-23C	2023	1	CBHT	
103	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Vũ Tuấn Hưng	2301140050	1C-23C	2023	1, 3	CBHT	
104	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Phạm Trung Kiên	2301140055	1C-23C	2023	1, 2	CBHT	
105	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Nguyễn Quang Minh	2301140062	1C-23C	2023	1, 2, 6	CBBTH	
106	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Nguyễn Hoàng Long Vũ	2301140101	1C-23C	2023	2, 6	CBBTH	
107	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Đặng Thái Bảo	2301140010	2C-23C	2023	1, 2, 3, 4	CBHT	
108	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Hoàng Ngọc Kiều Anh	2301140004	3C-23C	2023	10	CBBTH	
109	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Đỗ Xuân Lợi	2301140058	3C-23C	2023	2, 10	CBBTH	
110	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ Thông tin - CLC	Đỗ Hồng Quân	2301140082	3C-23C	2023	1	CBHT	
111	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Đào Huy Đức	2401240001	1C-24TT	2024	3, 4	CBHT	
112	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Vũ Nhật Minh	2401240005	1C-24TT	2024	2	CBHT	
113	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Trần Viết Quang Anh	2401240008	1C-24TT	2024	1, 2	CBHT	
114	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Đoàn Trung Kiên	2401240013	1C-24TT	2024	1, 3, 4	CBHT	
115	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Ngô Thanh Phong	2401240015	1C-24TT	2024	1, 3	CBHT	
116	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Hoàng Tuấn	2401240021	1C-24TT	2024	1	CBHT	
117	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Tô Hoàng Kỳ	2401240025	1C-24TT	2024	1, 2, 3, 4	CBHT	
118	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Đình Dũng	2401240026	1C-24TT	2024	1	CBHT	
119	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2401240027	1C-24TT	2024	1	CBHT	
120	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Hoàng Long	2401240043	1C-24TT	2024	1,3	CBHT	
121	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Quang Huy	2401240065	1C-24TT	2024	1	CBHT	
122	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Văn Phú	2401240089	1C-24TT	2024	1	CBHT	
123	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Hoàng Bách	2401240017	1C-24TT	2024	10	CBBTH	
124	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Đỗ Đức Anh	2401240036	2C-24TT	2024	1	CBHT	
125	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Đức Minh Nhật	2401240047	2C-24TT	2024	1, 3	CBHT	
126	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Thị Trang Quỳnh	2401240052	2C-24TT	2024	1	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
127	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Đinh Hà	Anh	2401240058	2C-24TT	2024	1, 2	CBHT	
128	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Lê Trung	Kiên	2401240061	2C-24TT	2024	1	CBHT	
129	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Vũ Đức	Cương	2401240064	2C-24TT	2024	1	CBHT	
130	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Đức	Lộc	2401240075	2C-24TT	2024	1, 2, 3, 4	CBHT	
131	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Đinh Vũ Thành	Đạt	2401240039	3C-24TT	2024	1, 2, 3	CBHT	
132	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Hoàng	Vinh	2401240081	3C-24TT	2024	1	CBHT	
133	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Quang	Hải	2401240084	3C-24TT	2024	1, 2, 3	CBHT	
134	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Hoàng Văn Quốc	Dũng	2401240088	3C-24TT	2024	1	CBHT	
135	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Phạm Quốc	Hưng	2401240093	3C-24TT	2024	2	CBHT	
136	Khoa Công nghệ TT	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Nhật	Nam	2401240110	3C-24TT	2024	1	CBHT	
137	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Chí	Thành	2101060067	1TD-21	2021	1, 3	CBHT	
138	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Trần Thị Vân	Chi	2201060018	1TD-22	2022	10	CBBTH	
139	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Thị	Dur	2201060020	1TD-22	2022	10	CBBTH	
140	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Trần Thị Thùy	Dương	2201060021	1TD-22	2022	1, 2, 3	CBHT	
141	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Huy	Hoàng	2301060022	2TD-23	2023	10	CBBTH	
142	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Như Thị Hà	Thư	2401060027	1TD-24	2024	10	CBBTH	
143	Khoa Công nghệ TT	Truyền thông Đa phương tiện	Trần Nhật	Huy	2501060031	1TD-24	2024	10	CBBTH	
144	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Hà Tiến	Dũng	2404060007	1CT-24	2024	3, 1	CBHT	
145	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Trần Thị Kim	Nhung	2404060020	1CT-24	2024	3, 1, 2, 4	CBHT	
146	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Ngô Gia	Khánh	2404060024	1CT-24	2024	3, 1	CBHT	
147	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Vương Đức	Dũng	2404060026	1CT-24	2024	1, 2	CBHT	
148	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Chu Minh	Dương	2404060031	1CT-24	2024	10	CBBTH	
149	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Từ Trọng	Hiếu	2404060032	1CT-24	2024	3, 1	CBHT	
150	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Nguyễn Thanh	Huyền	2404060037	1CT-24	2024	1	CBHT	
151	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Vũ Duy	Anh	2404060060	1CT-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
152	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Trần Hải	Nam	2404060055	2CT-24	2024	1	CBHT	
153	Khoa QT KD & DL	Công nghệ tài chính	Nguyễn Hồ	Nguyên	2404060069	2CT-24	2024	3, 1, 2, 4	CBHT	
154	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Thị Xuân	Chúc	2004010017	1KT-20	2020	7	CBBTH	
155	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Vũ Thùy	Duyên	2004010022	1KT-20	2020	7	CBBTH	
156	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Thị Thanh	Hải	2004010032	2KT-20	2020	7	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
157	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đặng Thị Hường	2004010050	2KT-20	2020	7	CBBTH	
158	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Thị Thùy Linh	2004010061	2KT-20	2020	7	CBBTH	
159	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đặng Thị Phương Nga	2004010069	2KT-20	2020	7	CBBTH	
160	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Tạ Minh Ngọc	2004010074	2KT-20	2020	7	CBBTH	
161	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Việt Tùng	2004010115	2KT-20	2020	7	CBBTH	
162	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trương Kim Anh	2004010009	3KT-20	2020	7	CBBTH	
163	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Dương Bích Hạnh	2004010038	3KT-20	2020	7	CBBTH	
164	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Phạm Mai Hương	2004010049	3KT-20	2020	7	CBBTH	
165	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Mai Thị Bích Ngọc	2004010072	3KT-20	2020	7	CBBTH	
166	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Phạm Phương Thảo	2004010095	3KT-20	2020	7	CBBTH	
167	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Vũ Thùy Trang	2004010109	3KT-20	2020	7	CBBTH	
168	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Phạm Linh Chi	2004010015	4KT-20	2020	7	CBBTH	
169	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trương Yến Linh	2004010065	4KT-20	2020	7	CBBTH	
170	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Hoàng Mai Hương	2104010038	1KT-21	2021	2, 5, 10	CBBTH	
171	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Lê Quỳnh Anh	2104010004	2KT-21	2021	1, 2, 5	CBBTH	
172	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2104010040	2KT-21	2021	3, 1, 2	CBHT	
173	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Thị Mỹ Tâm	2104010087	2KT-21	2021	3, 1, 2, 5	CBBTH	
174	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Hồ Thị Bảo Châu	2104010016	4KT-21	2021	1	CBHT	
175	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Thị Hà My	2104010065	4KT-21	2021	3, 1, 2, 5	CBBTH	
176	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Hoàng Lan Anh	2204010002	1KT-22	2022	3, 1, 2, 4	CBHT	
177	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Hoàng Trà My	2204010058	1KT-22	2022	3, 1, 2, 4, 6	CBBTH	
178	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Thị Minh Thư	2204010095	1KT-22	2022	2, 6	CBBTH	
179	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Lan Nhung	2104010077	2KT-22	2022	3, 1, 2, 4, 6	CBBTH	
180	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Trung Hiếu	2204010034	3KT-22	2022	3, 1, 2, 6	CBBTH	
181	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Vũ Thị Thu Thảo	2204010091	3KT-22	2022	3, 1	CBHT	
182	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đào Quang Minh	2104010061	1KT-23	2023	3, 1, 2	CBHT	
183	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Phạm Thúy An	2304010001	1KT-23	2023	1	CBHT	
184	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Lê Thị Diệu Linh	2304010050	1KT-23	2023	1, 2, 6	CBBTH	
185	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	2304010053	1KT-23	2023	2	CBHT	
186	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Kim Oanh	2304010077	1KT-23	2023	1	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
187	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Thảo	Nguyên	2304010072	2KT-23	2023	3, 1, 2, 6	CBBTH	
188	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Đình	Thắng	2304010093	2KT-23	2023	1	CBHT	
189	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Thanh	Thùy	2304010094	2KT-23	2023	1, 2	CBHT	
190	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đoàn Trúc	Vân	2304010100	2KT-23	2023	2	CBHT	
191	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đoàn Thị Khánh	Huyền	2304010040	3KT-23	2023	2	CBHT	
192	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Phí Thu	Hường	2304010044	3KT-23	2023	1	CBHT	
193	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Trần Hằng	Nga	2304010065	3KT-23	2023	3, 1, 2, 6	CBBTH	
194	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Như	Quỳnh	2304010086	3KT-23	2023	2	CBHT	
195	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Lê Thị	Thảo	2304010091	3KT-23	2023	1, 2	CBHT	
196	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Triệu Quang	Anh	2404010027	1KT-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
197	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Nguyễn Cẩm	Tú	2404010045	1KT-24	2024	3, 1	CBHT	
198	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Mai Hoàng Bảo	Anh	2404010060	2KT-24	2024	3, 1	CBHT	
199	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Hoàng Thị Lan	Ngọc	2404010102	3KT-24	2024	1	CBHT	
200	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đỗ Thanh	Nga	2404010107	3KT-24	2024	1	CBHT	
201	Khoa QT KD & DL	Kế toán	Đào Thị Phương	Thảo	2404010108	3KT-24	2024	10	CBBTH	
202	Khoa QT KD & DL	Marketing	Trịnh Thanh	Huy	2004000050	1M-20	2020	7	CBBTH	CN2
203	Khoa QT KD & DL	Marketing	Trần Dương	Quân	2204050062	2M-22	2022	3, 1	CBHT	
204	Khoa QT KD & DL	Marketing	Nguyễn Sỹ Quang	Anh	2204050007	3M-22	2022	3, 1	CBHT	
205	Khoa QT KD & DL	Marketing	Đinh Thị Ngọc	Ánh	2304050011	1M-23	2023	2	CBHT	
206	Khoa QT KD & DL	Marketing	Nguyễn Phương	Anh	2404050006	1M-24	2024	3, 1	CBHT	
207	Khoa QT KD & DL	Marketing	Nguyễn Thị Phương	Thúy	2407030041	1M-24	2024	10	CBBTH	CN2
208	Khoa QT KD & DL	Marketing	Nguyễn Mạnh	Phước	2404050030	2M-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
209	Khoa QT KD & DL	Marketing	Bạch Quang	Minh	2404050060	3M-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
210	Khoa QT KD & DL	Marketing	Đinh Tuấn	Kiệt	2404050077	3M-24	2024	1	CBHT	
211	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Hồ Ngọc	Anh	2006090003	2D-20	2020	7	CBBTH	
212	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Nguyễn Thị Hồng	Thao	2006090105	3D-20	2020	7	CBBTH	
213	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Trần Ngọc	Anh	2206090004	2D-22	2022	11, 10	CBBTH	
214	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Hạ Kiều	Chinh	2206090018	2D-22	2022	11, 10	CBBTH	
215	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Mai Thu	Hương	2206090051	2D-22	2022	3, 1, 2	CBHT	
216	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Vũ Việt Lan	Anh	2106090009	3D-22	2022	1, 2	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
217	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Trần Thị Dung	2306090019	2D-23	2023	3, 1, 2, 6	CBBTH	
218	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Chu Chấn Minh	2306090050	3D-23	2023	1	CBHT	
219	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Nguyễn Thị Mai Hương	2406090018	1D-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
220	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Nguyễn Bình Giang	2406090019	1D-24	2024	1	CBHT	
221	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Phạm Ngọc Linh	2406090020	1D-24	2024	1	CBHT	
222	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Batbayar Nyamsure	24LTR04075	1D-24	2024	3, 1, 4	CBHT	
223	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Nguyễn Quỳnh Anh	2406090016	2D-24	2024	1	CBHT	
224	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Nguyễn Hoàng Anh	2406090051	2D-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
225	Khoa QT KD & DL	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Lê Văn Trung	2406090073	2D-24	2024	1	CBHT	
226	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Nguyễn Ngân Anh	2406290013	1D-24TT	2024	3, 1, 2	CBHT	
227	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2406290021	1D-24TT	2024	1	CBHT	
228	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Đào Vũ Phương Nga	2406290029	1D-24TT	2024	1	CBHT	
229	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Phùng Đình Hải	2406290050	1D-24TT	2024	10	CBBTH	
230	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Lưu Huyền Ngân	2506290057	1D-24TT	2024	3, 1, 4	CBHT	
231	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Viết Quỳnh Trang	2406290048	2D-24TT	2024	10	CBBTH	
232	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Đoàn Thị Ngọc Huyền	2406290062	2D-24TT	2024	1	CBHT	
233	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Phan Nguyễn Minh Hiếu	2006190022	1D-20C	2020	7	CBBTH	
234	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Đặng Thị Huyền	2006190024	1D-20C	2020	7	CBBTH	
235	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Nguyễn Trung Quân	2206190034	1D-21C	2021	3, 1, 2	CBHT	
236	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Dương Xuân Bách	2306190017	1D-23C	2023	11, 10	CBBTH	
237	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2306190033	1D-23C	2023	1	CBHT	
238	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Trần Mai Lina	2306190042	1D-23C	2023	10	CBBTH	
239	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Bùi Hà Trang	2306190076	1D-23C	2023	10	CBBTH	
240	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Nguyễn Hoàng Việt	2306190083	1D-23C	2023	2, 6	CBBTH	
241	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Vũ Ngọc Ánh	2306190016	2D-23C	2023	3, 1	CBHT	
242	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Phùng Minh Quang	2306190065	2D-23C	2023	10	CBBTH	
243	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Đào Công Thành	2306190068	3D-23C	2023	3, 1, 2, 6	CBBTH	
244	Khoa QT KD & DL	Quản trị DV DL&LH - CLC	Phạm Nguyễn Khánh Tiên	2306190074	3D-23C	2023	10	CBBTH	
245	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Mơ	2004000063	1K-20	2020	7	CBBTH	
246	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Ánh	2004000017	3K-20	2020	7	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
247	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Tố Uyên	2004000110	3K-20	2020	7	CBBTH	
248	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Đào Thu Trang	2004000100	4K-20	2020	7	CBBTH	
249	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Đoàn Hoài Ngọc Ly	2104000064	1K-21	2021	3, 1, 2, 5	CBBTH	
250	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Lại Thu Phương	2104000085	1K-21	2021	2, 5, 10, 11	CBBTH	
251	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hương Giang	2104000027	4K-21	2021	3, 1	CBHT	
252	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Trương Tiến Đạt	2204000031	1K-22	2022	3, 1, 2, 4	CBHT	
253	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Vũ Khánh Linh	2204000063	1K-22	2022	2	CBHT	
254	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thùy Linh	2404000005	1K-23	2023	3, 1, 2, 4, 6	CBBTH	
255	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Tuấn Dương	2304000024	2K-23	2023	3, 1, 2	CBHT	
256	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Trần Xuân Nam	2304000064	2K-23	2023	3, 1, 2, 4, 6	CBBTH	
257	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Út	2304000104	2K-23	2023	10	CBBTH	
258	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Vũ Phương Anh	2304000010	3K-23	2023	2	CBHT	
259	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Vũ Trung Dũng	2304000022	3K-23	2023	3, 1, 2	CBHT	
260	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Anh Khoa	2304000045	3K-23	2023	11, 10	CBBTH	
261	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Đỗ Khánh Linh	2304000049	3K-23	2023	2, 6	CBBTH	
262	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thái Minh	2304000062	1K-24	2024	3, 1, 2, 4	CBHT	
263	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Tạ Nam Khánh	2404000004	1K-24	2024	10	CBBTH	
264	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2404000013	1K-24	2024	1	CBHT	
265	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Đặng Minh Đăng	2404000014	1K-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
266	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Ngô Hiền Anh	2404000097	1K-24	2024	1	CBHT	
267	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Phạm Phương Linh	2404000037	2K-24	2024	1, 2	CBHT	
268	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Đức Khánh	2304000043	3K-24	2024	3, 1, 4	CBHT	
269	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Mạnh Tuấn	2404000064	3K-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
270	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Vương Ngọc Diệp	2404000068	3K-24	2024	1	CBHT	
271	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Minh Đức	2404000070	3K-24	2024	1	CBHT	
272	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Trần Kim Chi	2404000076	3K-24	2024	3, 1	CBHT	
273	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Phương Trinh	2404000086	3K-24	2024	3, 1	CBHT	
274	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Lại Diệu Thảo	2404000089	3K-24	2024	11, 10	CBBTH	
275	Khoa QT KD & DL	Quản trị kinh doanh	Ngô Thị Yến	2404000094	3K-24	2024	3, 1, 2, 4	CBHT	
276	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Vũ Huy Đăng	2004040025	1TC-20	2020	7	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
277	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Ngọc Mai	2004040070	1TC-20	2020	7	CBBTH	
278	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Lê Phan Phương Nga	2004040078	1TC-20	2020	7	CBBTH	
279	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Vi Thanh Sơn	2004040093	1TC-20	2020	7	CBBTH	
280	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nghiêm Nguyệt Ánh	2004040019	2TC-20	2020	7	CBBTH	
281	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Thanh Tâm	2004040094	2TC-20	2020	7	CBBTH	
282	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Công Anh	2004040008	3TC-20	2020	7	CBBTH	
283	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Thị Ngọc Ánh	2004040018	3TC-20	2020	7	CBBTH	
284	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Hồ Quang Hưng	2004040046	3TC-20	2020	7	CBBTH	
285	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Tô Thị Mai Hương	2004040049	3TC-20	2020	7	CBBTH	
286	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Phạm Khánh Huyền	2004040059	3TC-20	2020	7	CBBTH	
287	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thị Tuyết Nhung	2004040085	3TC-20	2020	7	CBBTH	
288	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Vũ Thị Quỳnh Trang	2004040113	3TC-20	2020	7	CBBTH	
289	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Trần Thị Phương Anh	2004040014	4TC-20	2020	7	CBBTH	
290	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Hường	2004040055	4TC-20	2020	7	CBBTH	
291	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thu Thủy	2004040101	4TC-20	2020	7	CBBTH	
292	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Hà Vy	2004040120	4TC-20	2020	7	CBBTH	
293	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Hải Yến	2004040121	4TC-20	2020	7	CBBTH	
294	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Bùi Thị Thu Chang	2204040017	1TC-22	2022	3, 1, 2, 4	CBHT	
295	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Duy Khánh	2204040051	1TC-22	2022	3, 1, 2, 4	CBHT	
296	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Mai Bảo Anh	2204040003	2TC-22	2022	1, 2, 6	CBBTH	
297	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Ngô Thanh Hà	2204040034	2TC-22	2022	1, 6	CBBTH	
298	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Ngô Quỳnh Phương	2104040083	3TC-22	2022	3, 1, 2, 4, 5	CBBTH	
299	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Trần Minh Dương	2204040028	3TC-22	2022	3, 1, 2	CBHT	
300	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Phạm Thúy Hằng	2204040038	3TC-22	2022	1, 2, 6	CBBTH	
301	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Cẩm Thảo Vy	2204040101	3TC-22	2022	3, 1, 2	CBHT	
302	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Khánh Vy	2204040102	3TC-22	2022	2, 6	CBBTH	
303	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Phương Dung	2304040018	1TC-23	2023	3, 1, 2	CBHT	
304	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Bùi Anh Đức	2304040023	1TC-23	2023	3, 1, 2, 4, 6	CBBTH	
305	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Quỳnh Giang	2304040024	1TC-23	2023	3, 1	CBHT	
306	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Hoàng Mai	2304040059	1TC-23	2023	2, 6	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
307	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Ngọc Hạ	2304040027	2TC-23	2023	3, 1	CBHT	
308	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Vũ Thị Hoài Lam	2304040044	2TC-23	2023	3, 1	CBHT	
309	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Hải Linh	2304040045	2TC-23	2023	3, 1	CBHT	
310	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Vũ Ngọc Linh	2304040053	2TC-23	2023	1, 2	CBHT	
311	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Phương Trang	2304040093	2TC-23	2023	2	CBHT	
312	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Trần Thu Trang	2304040098	2TC-23	2023	1	CBHT	
313	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Hà Vy	2304040104	2TC-23	2023	1	CBHT	
314	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Vũ Linh Chi	2304040015	3TC-23	2023	2	CBHT	
315	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Diệu Linh	2304040048	3TC-23	2023	2	CBHT	
316	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Lương Hạnh Mai	2304040058	3TC-23	2023	1	CBHT	
317	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Oanh	2304040075	3TC-23	2023	1	CBHT	
318	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đinh Thế Thịnh	2304040085	3TC-23	2023	1	CBHT	
319	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Trần Lưu Anh Trang	2304040097	3TC-23	2023	2	CBHT	
320	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Bùi Nguyễn Minh Hiếu	2404040004	1TC-24	2024	3, 1	CBHT	
321	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đặng Hoàng Minh	2404040014	1TC-24	2024	1	CBHT	
322	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đào Thu Huyền	2404040027	1TC-24	2024	1	CBHT	
323	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Hoàng Phong	2301040147	1TC-24	2024	1	CBHT	CN2
324	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Lê Nam Khánh	2404040037	2TC-24	2024	1	CBHT	
325	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Đức Minh	2404040040	2TC-24	2024	3, 1, 2	CBHT	
326	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Đỗ Thị Phương	2404040051	2TC-24	2024	3, 1	CBHT	
327	Khoa QT KD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Phạm Thị Thanh An	2404040094	3TC-24	2024	10, 11	CBBTH	
328	Khoa Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Đào Thị Quỳnh Anh	2106060002	1NC21	2021	10	CBBTH	
329	Khoa Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Vũ Trà My	2106060038	1NC21	2021	1	CBBTH	
330	Khoa Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Nguyễn Nhật Linh	2206060023	2NC22	2022	10	CBBTH	
331	Khoa Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Khương Nguyễn Thanh Hoàng	2306060017	1NC23	2023	10	CBBTH	
332	Khoa Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Nguyễn Chí Thành	2306060042	2NC23	2023	1,2	CBBTH	
333	Khoa Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Đinh Minh Châu	2306060008	2NC23	2023	1	CBHT	
334	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Thúy Hiền	2106080052	1Q21	2021	10	CBBTH	
335	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Vi Thị Hường	2106080068	1Q21	2021	1	CBHT	
336	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Lê Hồng Ngọc	2206080089	1Q22	2022	10	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
337	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Lương Thị Phương Anh	2206080010	4Q22	2022	10	CBBTH	
338	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Đức Huy	2206080050	4Q22	2022	1	CBHT	
339	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Hải Đăng	2306080024	1Q22	2023	1	CBHT	
340	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Việt Hoàng	2306080037	1Q23	2023	10	CBBTH	
341	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Việt Hưng	2306080044	1Q23	2023	1	CBHT	
342	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Thanh Tâm	2406080058	2Q24	2024	1	CBHT	
343	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Trần An Thi	2406080079	2Q24	2024	1	CBHT	
344	Khoa Quốc tế học	Quốc tế học	Đàm Thảo Vy	2506080129	1Q24	2025	10	CBBTH	
345	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trương Thị Tuyết Anh	2007010027	11A-20	2020	7	CBBTH	
346	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trần Thị Thùy Linh	2007010163	13A-20	2020	7	CBBTH	
347	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Thu Nga	2007010197	13A-20	2020	7	CBBTH	
348	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trần Nguyệt Minh	2007010187	3A-20	2020	7	CBBTH	
349	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Bùi Minh Việt Long	2007010172	4A-20	2020	7	CBBTH	
350	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Phạm Anh Tuấn	2007010343	4A-20	2020	7	CBBTH	
351	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lại Thị Tuyết	2007010345	6A-20	2020	7	CBBTH	
352	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Hoàng Thị Ánh	2107010025	10A-21	2021	10	CBBTH	
353	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đỗ Đức Duy	2107010062	10A-21	2021	10	CBBTH	
354	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Thuý Linh	2107010155	10A-21	2021	10	CBBTH	
355	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nông Thị Trang	2107010296	1A-21	2021	10	CBBTH	
356	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Vy Tuấn Hùng	2107010118	2A-21	2021	5	CBBTH	
357	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Vũ Hà Linh	2107010157	2A-21	2021	5	CBBTH	
358	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Trần Huệ Anh	2107010015	4A-21	2021	10	CBBTH	
359	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đào Mai Hương	2107010123	4A-21	2021	10	CBBTH	
360	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trần Diệu Linh	2107010159	4A-21	2021	7	CBBTH	
361	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Bùi Hà Thu	2107010261	4A-21	2021	10	CBBTH	
362	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Hoàng Ngọc Minh	2107010182	6A-21	2021	2	CBHT	
363	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2107010202	6A-21	2021	10	CBBTH	
364	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Lê Mai Phương	2107010219	6A-21	2021	7	CBBTH	
365	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thảo Vân	2107010306	8A-21	2021	10	CBBTH	
366	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Bê Khánh Linh	2107010145	9A-21	2021	7	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
367	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Vũ Thị Thảo Vân	2107010307	9A-21	2021	10	CBBTH	
368	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Mendoza Edmar De Jesus	22LEN04001	11A-22	2022	1	CBHT	
369	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Tuấn Linh	2204000062	1A-22	2022	2	CBHT	CN2
370	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Kim Thoa	2207010263	1A-22	2022	1	CBHT	
371	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Hoàng Minh Hiếu	2207010086	3A-22	2022	5	CBBTH	
372	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Tùng Bách	2107010031	5A-22	2022	6	CBBTH	
373	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Quang Minh	2207010167	8A-22	2022	5	CBBTH	
374	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Studenikin Evgenii	23LEN04001	10A-23	2023	2	CBHT	
375	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hoàng Linh	2207020067	1A-23	2023	11	CBBTH	CN2
376	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Hoàng Thị Minh Ánh	2207010035	2A-23	2023	6	CBBTH	
377	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Ma Thị Hoàng Nam	2307010307	2A-23	2023	1	CBHT	
378	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lê Xuân Trường	2307010274	5A-23	2023	10	CBBTH	
379	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Bùi Hồng Thiết	2307010302	6A-23	2023	6	CBBTH	
380	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Minh Đức	2307010064	8A-23	2023	5	CBBTH	
381	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Anh Thư	2407010071	10A-24	2024	1	CBHT	
382	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đoàn Khánh Hằng	2407010116	10A-24	2024	10	CBBTH	
383	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hải Linh	2107170051	1A-24	2024	10	CBBTH	CN2
384	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Đăng Thị Quỳnh	2107170079	1A-24	2024	10	CBBTH	CN2
385	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Ngô Thùy Dương	2407010249	2A-24	2024	1	CBHT	
386	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thu Phương	2407010223	3A-24	2024	1	CBHT	
387	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lê Anh Minh	2407010155	4A-24	2024	1	CBHT	
388	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Diệp Văn Nam	2407010257	4A-24	2024	1	CBHT	
389	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hà Châu	2407010300	4A-24	2024	1	CBHT	
390	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đặng Duy Lâm	2407010059	5A-24	2024	1	CBHT	
391	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Tạ Đình Hiếu	2507010097	5A-24	2024	1	CBHT	
392	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Somsuen Maleekou	24LEN04309	6A-24	2024	1	CBHT	
393	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trần Hà Trang	2407010303	9A-24	2024	1	CBHT	
394	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Khôi Nguyên	2507010211	9A-24	2024	2	CBHT	
395	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Nguyễn Phương	2507010238	9A-24	2024	1	CBHT	
396	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Đình Anh Vũ	2507010306	2A-25	2025	1	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
397	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trần Đức Minh	2507010184	3A-25	2025	1	CBHT	
398	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Ý Nhi	2507010217	7A-25	2025	1	CBHT	
399	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hoàng Tùng Linh	2507010142	9A-25	2025	1	CBHT	
400	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ tài chính	Nguyễn Hải Dương	2504060017	2CT-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
401	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Phạm Huyền Trang	2401040188	5C-25ACN	2024	2,10	CBBTH	
402	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Dương Minh Ngọc	2401040162	6C-24ACN	2024	1,10	CBBTH	
403	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Lê Hoàng An	2501040001	1C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
404	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nông Việt Bách	2501040023	1C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
405	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Bế Nhật Hải	2501040052	1C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
406	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Phạm Minh Khang	2501040089	2C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
407	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Bảo Linh	2501040100	2C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
408	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Trần An Nguyên	2501040132	2C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
409	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hải Việt	2501040180	2C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
410	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Quách Phạm Duy Anh	2501040017	3C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
411	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Minh Dũng	2501040031	3C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
412	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Minh Thắng	2501040160	4C-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
413	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Trần Phương Minh	2401240077	2C-24TTACN	2024	2,10,11	CBBTH	
414	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Trí Hiếu	2501240046	C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
415	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Kim Oanh	2501240087	C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
416	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Kiều Vinh Tùng	2501240112	C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
417	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Vỹ Gia Anh	2501240010	2C-25TTACN	2025	2,10	CBBTH	
418	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Đoàn Đức Bình	2501240018	2C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
419	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Trương Công Đoàn	2501240032	2C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
420	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Nguyễn Tiến Đạt	2501240030	3C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
421	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Vũ Minh Hiếu	2501240047	3C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
422	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Đỗ Bảo Ngọc Linh	2501240062	3C-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
423	Khoa tiếng Anh CN	Công nghệ thông tin - CTTT	Lại Công Minh	2501240075	3C-25TTACN	2025	4	CBHT	
424	Khoa tiếng Anh CN	Kế toán	Trần Hậu Hùng	2404010109	1KT-24ACN	2024	2,10	CBBTH	
425	Khoa tiếng Anh CN	Kế toán	Nguyễn Thị Thu Hiền	2207070025	1KT-25ACN	2025	10	CBBTH	CN2
426	Khoa tiếng Anh CN	Kế toán	LI MAIKE	25LAC04103	1KT-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
427	Khoa tiếng Anh CN	Kế toán	YOU	XIAOZH	25LVN04363	1KT-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
428	Khoa tiếng Anh CN	Kế toán	Mai Thị Ánh	Nguyệt	2504010059	3KT-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
429	Khoa tiếng Anh CN	Nghiên cứu phát triển	Lê Xuân	Tùng	2406060016	1NC-24ACN	2024	1,2,6	CBBTH	
430	Khoa tiếng Anh CN	Nghiên cứu phát triển	Vũ Thùy	Linh	2506060031	1NC-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
431	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Trương Quốc	Chiến	2506090013	1D-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
432	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Lưu Xuân	Kiên	2506090035	1D-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
433	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Đỗ Thảo Đan	Lê	2506290037	D-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
434	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Dương Quỳnh	Anh	2506290004	D-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
435	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Nguyễn Hà Trung	Hiếu	2506290025	D-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
436	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị DV DL & LH - CTTT	Nguyễn Việt	Hoàng	2506290028	D-25TTACN	2025	1,2,3	CBHT	
437	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Lê Thị Phương	Linh	2404000030	1K-24ACN	2024	2,10,11	CBBTH	
438	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Nguyễn Thị Thu	Trang	2404000029	1K-25ACN	2024	1,2,3	CBHT	
439	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Ngô Thị	Phương	2404000058	2K-25ACN	2024	2,10	CBBTH	
440	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Quách Ngọc Khánh	Linh	2404000067	3K-24ACN	2024	2,10,11	CBBTH	
441	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Ngô Đức	Dương	2504000022	1K-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
442	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Lê Tuấn	Hưng	2504000051	1K-25ACN	2025	2,10	CBBTH	
443	Khoa tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Đinh Thị Trang	My	2504000068	2K-25ACN	2025	2,10	CBBTH	
444	Khoa tiếng Anh CN	Quốc tế học	Hoàng Nông Diệu	Hiền	2406080038	1Q-24ACN	2024	2,10	CBBTH	
445	Khoa tiếng Anh CN	Quốc tế học	Tạ Tuấn	Long	2406080083	2Q-24ACN	2024	11	CBBTH	
446	Khoa tiếng Anh CN	Quốc tế học	Lê Thị Thu	Hiền	2506080044	2Q-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
447	Khoa tiếng Anh CN	Quốc tế học	Bùi Tuấn	Đức	2506080034	4Q-25ACN	2025	4	CBHT	
448	Khoa tiếng Anh CN	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thanh	Nga	2504040061	2TC-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
449	Khoa tiếng Anh CN	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Thị Hiền	Lương	2401060036	1TD-25ACN	2024	2,10	CBBTH	
450	Khoa tiếng Anh CN	Truyền thông Đa phương tiện	Tiêu Anh	Phương	2501060072	1TD-25ACN	2025	1,2,3	CBHT	
451	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Phạm Nhật	Ánh	2107100008	1B-21	2021	5	CBBTH	
452	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Phùng Trần Minh	Hằng	2107100020	1B-21	2021	1, 4	CBHT	
453	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Lê Ngọc	Việt	2107100069	1B-21	2021	1	CBHT	
454	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Phạm Đức	Dương	2107100013	2B-21	2021	2, 4, 6,5, 10	CBBTH	
455	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Trần Thị Quỳnh	Anh	2207100011	1B-22	2022	1, 2, 4, 6,5	CBBTH	
456	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Ngọc	Anh	2207100007	2B-22	2022	2, 4, 6,5	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
457	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Ngọc	Ánh	2207100014	2B-22	2022	1, 4, 2, 6,5	CBBTH	
458	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Vũ Thị	Lan	2207100026	2B-22	2022	10	CBBTH	
459	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Doãn Hoàng	Vy	2207100060	2B-22	2022	1, 2, 6,5	CBBTH	
460	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Hoàng Hương	Giang	2307100021	1B-23	2023	2, 4, 6	CBBTH	
461	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Trịnh Trần Xuân	Hà	2307100025	1B-23	2023	2	CBHT	
462	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Vũ Minh	Ngọc	2307100055	1B-23	2023	1, 4, 2, 6	CBBTH	
463	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	2307100083	1B-23	2023	2	CBHT	
464	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Phạm Thị Mai	Hoa	2307100031	2B-23	2023	4	CBHT	
465	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Đặng Thị Diệu	Linh	2307100040	2B-23	2023	1, 2, 4, 6	CBBTH	
466	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Lê Thị Uyên	Nhi	2307100058	2B-23	2023	1, 2, 4, 6	CBBTH	
467	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Lý Thảo	Vy	2307100082	2B-23	2023	2, 4, 6	CBBTH	
468	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Lương Lâm	Vy	2307100084	2B-23	2023	1, 4, 2	CBHT	
469	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Vũ Quỳnh	Trang	2407100002	1B-24	2024	1, 2	CBHT	
470	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nghiêm Ngọc Phương	Uyên	2407100010	1B-24	2024	1, 4, 2	CBHT	
471	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Vũ Thị Vân	Anh	2407100020	1B-24	2024	1, 2	CBHT	
472	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Đức Huy	Hoàng	2407100026	1B-24	2024	2	CBHT	
473	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Phương	Trang	2407100036	1B-24	2024	2, 4, 6, 10	CBBTH	
474	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Trương Tạ Mai	Linh	2407100037	1B-24	2024	2	CBHT	
475	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Khánh	Ly	2407100005	2B-24	2024	2, 10	CBBTH	
476	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Hà Lê Khánh	Xuân	2407100031	2B-24	2024	1	CBHT	
477	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Tạ Diệu	Anh	2507100007	1B-25	2025	1, 2, 4	CBHT	
478	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Lê Thu	Hiền	2507100019	1B-25	2025	4	CBHT	
479	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Khánh	Linh	2507100031	1B-25	2025	4	CBHT	
480	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Tuyết	Nga	2507100043	2B-25	2025	1, 2, 4	CBHT	
481	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Thúy	Quỳnh	2507100056	2B-25	2025	1, 4	CBHT	
482	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nghiêm Quỳnh	Anh	2007100001	1B-20	2020	7	CBBTH	
483	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Lương Việt	Cường	2007100011	1B-20	2020	7	CBBTH	
484	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Vũ Nhật	Hà	2007100017	1B-20	2020	10	CBBTH	
485	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Hà Thiên	Kim	2007100026	1B-20	2020	7	CBBTH	
486	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Hồ Anh	Phương	2007100051	1B-20	2020	10	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
487	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Đặng Hà Minh	Phuong	2007100050	1B-22	2020	7	CBBTH	
488	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Ngô Thị Thùy	Linh	2007100029	2B-20	2020	7	CBBTH	
489	Khoa tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Anh	Thư	2007100055	2B-20	2020	7	CBBTH	
490	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Hà Phương	Anh	2107050006	1Đ-21	2021	10	CBBTH	
491	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Tạ Quang	Anh	2107050015	2Đ-21	2021	1, 4, 2, 6,5	CBBTH	
492	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Phạm Đức	Thịnh	2107050117	2Đ-21	2021	1	CBHT	
493	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Kim Thanh	Hải	2107050033	3Đ-21	2021	1, 4, 2, 6,5	CBBTH	
494	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Trần Thị Thanh	Hoa	2107050042	3Đ-21	2021	1, 4	CBHT	
495	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Ngô Thanh	Hiền	2107050038	4Đ-21	2021	1, 4, 2	CBHT	
496	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thanh	Trà	2207050115	2Đ-23	2022	1, 4, 2, 6	CBBTH	
497	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Bích	Hường	2207050052	3Đ-22	2022	10	CBBTH	
498	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Phạm Thị Lan	Phuong	2207050098	3Đ-23	2022	10	CBBTH	
499	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Hiền	Đức	2207050025	4Đ-22	2022	2, 6	CBBTH	
500	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Lưu Thị Ngọc	Ánh	2207050011	4Đ-23	2022	10	CBBTH	
501	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Hoàng Tuấn	Anh	2307050007	1Đ-23	2023	10	CBBTH	
502	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thanh	Ly	2307050087	1Đ-23	2023	2, 6	CBBTH	
503	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Bùi Thị Trà	My	2307050096	1Đ-23	2023	1, 4, 2, 6	CBBTH	
504	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Lê Khánh	Linh	2307050076	2Đ-23	2023	2, 6	CBBTH	
505	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Trần Dương	Nguyên	2407050059	1Đ-24	2024	1	CBHT	
506	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Đặng Minh	Anh	2507050010	1Đ-25	2025	10	CBBTH	
507	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Hoàng Minh	Châu	2507050023	2Đ-25	2025	4, 10	CBBTH	
508	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Trần Nhật Hà	My	2507050085	2Đ-25	2025	10	CBBTH	
509	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Đăng	Đạo	2507050035	3Đ-25	2025	1, 4	CBHT	
510	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Lê Phương	Nhi	2507050098	3Đ-25	2025	1, 4	CBHT	
511	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Đinh Phương	Thảo	2507050118	3Đ-25	2025	10	CBBTH	
512	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Lê Hoàng	Yến	2507050147	3Đ-25	2025	1, 4	CBHT	
513	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Đỗ Phương	Linh	1707050082	3Đ-17	2017	7	CBBTH	
514	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Bùi Hoàng	Diệp	2007050026	2Đ-20	2020	10	CBBTH	
515	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Sơn	Hải	2007050047	2Đ-20	2020	10	CBBTH	
516	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Vũ Như	Quỳnh	2007050122	3Đ-20	2020	10	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
517	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Trịnh Thu	Hiền	2007050051	4Đ-20	2020	10	CBBTH	
518	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Ngô Thảo	Hương	2007050061	4Đ-21	2020	7	CBBTH	
519	Khoa tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Trần Trung	Nghĩa	2007050097	5Đ-20	2020	7	CBBTH	
520	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Thị	Luyến	2107100039	1H-22	2022	2	CBHT	CN2
521	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Thị Huyền	Trang	2407070078	1H-24	2024	6	CBBTH	
522	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Lê Thị Trà	My	2407070001	4H-24	2024	10	CBBTH	
523	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Phương	Anh	2507070013	4H-24	2024	10	CBBTH	
524	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Đoàn Thuỳ	Trang	2107170097	1H-21C	2021	6	CBBTH	
525	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Hà Thị Kim	Chi	2207070105	2H-22	2022	2	CBHT	
526	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Như	Ngọc	2207070062	4H-22	2022	2	CBHT	
527	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Hoàng Hồng	Vân	2207070111	4H-22	2022	1	CBHT	
528	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Phạm Ngọc	Hân	2407070132	2H-24	2024	1	CBHT	
529	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Thùy	Linh	2407070054	4H-24	2024	1	CBHT	
530	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Mai Phương	Thảo	2407070074	6H-24	2024	1	CBHT	
531	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Thị Kim	Phương	2407070185	6H-24	2024	2	CBHT	
532	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Hoàng Anh	Thư	2107170090	2H-21C	2021	1	CBHT	
533	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Lương Thùy	Linh	2107170050	3H-21C	2021	1	CBHT	
534	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Lý Thị	Thúy	2207070110	2H-22	2022	6	CBBTH	
535	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Trịnh Hồng	Trang	2107170102	2H-22C	2022	10	CBBTH	
536	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Vũ Lan	Chi	2207170018	2H-22C	2022	1	CBHT	
537	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Đào Trần Ngọc	Quỳnh	2207170107	4H-22C	2022	2	CBHT	
538	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Phạm Trần Minh	Hạnh	2507270026	1H-25TT	2025	1	CBHT	
539	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Phạm Mai	Phương	2507270072	1H-25TT	2025	1	CBHT	
540	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Bùi Đặng Diệu	Linh	2507270043	3H-25TT	2025	1	CBHT	
541	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Nguyễn Diệu	Linh	2507270050	3H-25TT	2025	1	CBHT	
542	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Nguyễn Minh	Phương	2507270071	3H-25TT	2025	10	CBBTH	
543	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Nguyễn Việt	Quang	2507270074	3H-25TT	2025	4	CBHT	
544	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Phạm Thu	Trang	2507270092	3H-25TT	2025	1	CBHT	
545	Khoa tiếng HQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CTTT	Hoàng Ngọc Hiếu	Trung	2507270097	3H-25TT	2025	1	CBHT	
546	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Lê Thanh	Nga	2107090056	1I-21	2021	5	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
547	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Vũ Thị Bích	Ngọc	2107090061	11-21	2021	10	CBBTH	
548	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Võ Phương	Hiền	2107090033	21-21	2021	1	CBHT	
549	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Lê Thảo	Linh	2207090041	21-22	2022	1, 2, 3, 4, 5, 6	CBBTH	
550	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Trần Thanh	Thủy	2207090069	11-23	2023	2	CBHT	
551	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Cao Trung	Đức	2307090015	11-23	2023	11	CBBTH	
552	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Hà Huy	Hoàng	2307090027	11-23	2023	11	CBBTH	
553	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Đỗ Đức	Nam	2307090045	21-23	2023	1, 3	CBHT	
554	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Dương Bảo	Thắng	2407090043	11-24	2024	1, 2, 3, 4, 6	CBBTH	
555	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	2407090005	21-24	2024	1, 2, 3	CBHT	
556	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Vũ Thị Huyền	My	2407090037	21-24	2024	1, 3	CBHT	
557	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Nguyễn Thu	Thảo	2407090069	21-24	2024	2, 4, 6	CBBTH	
558	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Nguyễn Thị Lan	Anh	2507090012	21-25	2025	1, 3	CBHT	
559	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Lê Hoàng	Anh	2107190001	11-21C	2021	1, 2, 3, 4, 5	CBBTH	
560	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Nguyễn Huy	Hiếu	2107190021	21-21C	2021	4, 5, 6	CBBTH	
561	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Lò Thị Khánh	Huyền	2207190032	21-22C	2022	2, 6	CBBTH	
562	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Trương Viễn	Thông	2207190055	21-22C	2022	1, 3	CBHT	
563	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Nguyễn Thị Minh	Châu	2307190010	11-23C	2023	2	CBHT	
564	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Lê Khánh	Chi	2307190012	11-23C	2023	2	CBHT	
565	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Bùi Trà	My	2307190040	11-23C	2023	4	CBHT	
566	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Phí Thị Bình	Minh	2307190039	21-23C	2023	2, 6	CBBTH	
567	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Nguyễn Trang	Nhung	2307190048	21-23C	2023	1, 2, 3, 4	CBHT	
568	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Nguyễn Nguyễn Như	Quỳnh	2307190053	21-23C	2023	2	CBHT	
569	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CLC	Ngô Mạnh	Tuấn	2307190063	21-23C	2023	2, 6	CBBTH	
570	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Lê Tiến	Đạt	2407290062	11-24TT	2024	1	CBHT	
571	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Trần Anh	Đức	2407290076	11-24TT	2024	1	CBHT	
572	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Mạnh Khánh	Ly	2407290003	21-24TT	2024	1	CBHT	
573	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Trần Thị	Ngọc	2407290007	21-24TT	2024	1, 2, 3	CBHT	
574	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Trịnh Thị Thu	Hiền	2507290016	11-25TT	2025	1	CBHT	
575	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Phạm Khánh	Linh	2507290022	11-25TT	2025	1, 3, 4	CBHT	
576	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Hoàng Hà	Trang	2507290041	11-25TT	2025	1	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
577	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Phạm Quỳnh Trang	2507290043	11-25TT	2025	10	CBBTH	
578	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Nguyễn Thị Bảo Yến	2507290048	11-25TT	2025	1, 3, 4	CBHT	
579	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Phan Quang Đạo	2507290013	21-25TT	2025	1, 2, 3, 4	CBHT	
580	Khoa tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - CTTT	Tổng Hiền Nhi	2507290032	21-25TT	2025	10	CBBTH	
581	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Khánh Linh	2107020076	2N-21	2021	1, 4	CBHT	
582	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Thị Kim Ngân	2107020101	2N-21	2021	1	CBHT	
583	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Hoàng Linh	2207020067	5N-22	2022	1, 4, 2, 6	CBBTH	
584	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Thu Trang	2207020143	5N-22	2022	2, 10	CBBTH	
585	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Cù Thị Nguyệt Anh	2307020004	1N-23	2023	1, 2, 4, 6	CBBTH	
586	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	2307020122	1N-23	2023	1, 2, 6	CBBTH	
587	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Bùi Thùy Trang	2307020147	1N-23	2023	1, 4	CBHT	
588	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Bích Huyền	2307020074	1N-24	2023	1, 4	CBHT	
589	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Thảo Anh	2307020018	2N-23	2023	1	CBHT	
590	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Thị Phương Uyên	2307020161	3N-23	2023	1, 2, 4, 6	CBBTH	
591	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Đào Kim Oanh	2307020135	5N-23	2023	2, 6	CBBTH	
592	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Đặng Thùy Linh	2407020017	1N-24	2024	1, 4	CBHT	
593	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Đào Yến Nhi	2407020063	1N-24	2024	1	CBHT	
594	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lương Khánh Linh	2407020074	1N-24	2024	1, 2	CBHT	
595	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Trương Thị Phương Nga	2407020116	1N-24	2024	1	CBHT	
596	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Kiều Trang	2407020118	1N-24	2024	1, 2, 4, 6	CBBTH	
597	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Đinh Ngọc Phương Linh	2407020142	1N-24	2024	1, 2, 4	CBHT	
598	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Trần Linh Hương	2407020007	2N-24	2024	11	CBBTH	
599	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Mạnh Hùng	2407020052	2N-24	2024	1, 2	CBHT	
600	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lý Triệu Vy	2407020087	2N-24	2024	1, 2, 4, 6	CBBTH	
601	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Anh Thư	2407020144	2N-24	2024	1	CBHT	
602	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Thị Thùy Dương	2407020148	2N-24	2024	1, 2, 6	CBBTH	
603	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Minh Được	2407020024	3N-24	2024	1, 2, 4	CBHT	
604	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Khánh Linh	2407020075	3N-24	2024	1, 4	CBHT	
605	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phùng Thùy Linh	2407020106	3N-24	2024	1, 6	CBBTH	
606	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Ngọc Ánh	2407020057	4N-24	2024	1, 2	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
607	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Trần Diệp Linh	2407020121	4N-24	2024	1, 4	CBHT	
608	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Bất Minh Đức	2507020038	1N-25	2025	1, 4	CBHT	
609	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lại Nguyễn Nam Phương	2507020120	1N-25	2025	1, 4	CBHT	
610	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Trịnh Thanh Thảo	2507020130	1N-25	2025	1, 2, 4	CBHT	
611	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Vũ Thu Vân	2507020153	1N-25	2025	1, 2, 4	CBHT	
612	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Ngọc Anh	2507020009	2N-25	2025	1	CBHT	
613	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Trang Anh	2507020015	2N-25	2025	1, 4	CBHT	
614	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Bùi Cường Nam	2507020104	2N-25	2025	1, 4	CBHT	
615	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Vũ Thị Bích Thảo	2507020131	2N-25	2025	1, 4	CBHT	
616	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Vũ Hoàng Mai Trang	2507020148	3N-25	2025	1, 4	CBHT	
617	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Dương Thành Đạt	2507020036	4N-25	2025	1, 4	CBHT	
618	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Thị Hoài	2507020055	4N-25	2025	1, 4	CBHT	
619	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Mạnh Khôi	2507020067	4N-25	2025	10	CBBTH	
620	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Triệu Thu Ngân	2507020107	4N-25	2025	4	CBHT	
621	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Trần Thị Thúy Quỳnh	2507020123	4N-25	2025	1, 4	CBHT	
622	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thạch Thảo	2507020128	4N-25	2025	1, 4	CBHT	
623	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Vũ Doãn Hải Đăng	2507020037	5N-25	2025	1	CBHT	
624	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Kim Anh Thư	2507020135	5N-25	2025	1	CBHT	
625	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Bùi Thu An	2007020001	1N-20	2020	7	CBBTH	
626	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Hồng Anh	2007020010	1N-20	2020	7	CBBTH	
627	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Nguyễn Linh Chi	2007020031	1N-20	2020	7	CBBTH	
628	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lưu Trung Kiên	2007020070	1N-20	2020	7	CBBTH	
629	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Hoài An	2007020003	2N-20	2020	7	CBBTH	
630	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	2007020058	2N-20	2020	7	CBBTH	
631	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Cẩm Nhung	2007020112	2N-20	2020	7	CBBTH	
632	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Mai Đức Anh	2007020009	4N-20	2020	7	CBBTH	
633	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Hoàng Công Minh	2007020088	4N-20	2020	7	CBBTH	
634	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Như Quỳnh	2007020127	4N-20	2020	7	CBBTH	
635	Khoa tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thế Hiếu	2007020054	5N-20	2020	7	CBBTH	
636	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Hoàng Đức Thọ	2007060171	2NB-20	2020	10	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
637	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phan Song	Thương	2107060159	1NB-21	2021	1	CBHT	
638	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phạm Ngọc	Ánh	2107060021	2NB-21	2021	10	CBBTH	
639	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê	Hiếu	2207060063	3NB-22	2022	10	CBBTH	
640	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Đặng Thị Kim	Ngân	2207060114	3NB-22	2022	1	CBHT	
641	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Trần Nhật	Minh	2207060105	4NB-22	2022	1	CBHT	
642	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Triệu Quý	Hoài	2307060065	1NB-23	2023	6	CBBTH	
643	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Vũ Ngọc Phương	Huyền	2307060072	2NB-23	2023	1	CBHT	
644	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Vũ Mai	Phương	2307060139	3NB-23	2023	1	CBHT	
645	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê Minh	Ngọc	2307060117	4NB-23	2023	11	CBBTH	
646	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê Thái	Nam	2407060038	4NB-23	2023	1	CBHT	
647	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Chí	Công	2307060035	6NB-23	2023	1	CBHT	
648	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê Hà	Phương	2307060133	6NB-23	2023	1	CBHT	
649	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Việt	Quang	2307060140	6NB-23	2023	11	CBBTH	
650	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Tuệ	Hải	2407060004	1NB-24	2024	6	CBBTH	
651	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Đặng Thùy	Dương	2407060011	1NB-24	2024	11	CBBTH	
652	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Trần Thị Thanh	Loan	2407060013	1NB-24	2024	1	CBHT	
653	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Hoàng Trung	Hải	2407060018	1NB-24	2024	1	CBHT	
654	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Bùi Khánh	Ly	2407060020	1NB-24	2024	1	CBHT	
655	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phạm Thị	Trang	2407060025	1NB-24	2024	1	CBHT	
656	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Hoàng Minh	Lý	2407060029	1NB-24	2024	1	CBHT	
657	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Đỗ Bùi Thu	Giang	2407060126	1NB-24	2024	1	CBHT	
658	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Khuất Thanh	Xuân	2407060035	2NB-24	2024	1	CBHT	
659	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Hoàng Thị Cẩm	Nhung	2407060042	2NB-24	2024	1	CBHT	
660	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Bảo	Ngọc	2407060063	3NB-24	2024	6	CBBTH	
661	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Minh	Đức	2407060065	3NB-24	2024	6	CBBTH	
662	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Đặng Thùy	Linh	2407060087	3NB-24	2024	1	CBHT	
663	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Hà Ngọc	Linh	2407060088	3NB-24	2024	1	CBHT	
664	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Trà	My	2407060096	4NB-24	2024	1	CBHT	
665	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Vũ Trung	Tiến	2407060102	4NB-24	2024	1	CBHT	
666	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Thị Thùy	Hương	2407060108	4NB-24	2024	1	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
667	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê Thùy Linh	2407060128	5NB-24	2024	1	CBHT	
668	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Phương Thùy	2407060132	5NB-24	2024	1	CBHT	
669	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phan Mạnh Hùng	2407060157	6NB-24	2024	1	CBHT	
670	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Thị Phương Thanh	2407060160	6NB-24	2024	1	CBHT	
671	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Quang Huy	2407060165	6NB-24	2024	6	CBBTH	
672	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nhữ Bùi Quỳnh Anh	2407060174	6NB-24	2024	1	CBHT	
673	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Kiều Thị Hương Giang	2407060184	6NB-24	2024	1	CBHT	
674	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Văn Anh	2507060010	1NB-25	2025	1	CBHT	
675	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Trần Đăng Dương	2507060037	1NB-25	2025	10	CBBTH	
676	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lương Quang Đạo	2507060040	1NB-25	2025	1	CBHT	
677	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Dương Thành Đạt	2507060042	1NB-25	2025	1	CBHT	
678	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Cao Hữu Anh Tú	2507060186	1NB-25	2025	1	CBHT	
679	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Sơn Tùng	2507060190	1NB-25	2025	1	CBHT	
680	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê Thị Thùy Uyên	2507060191	1NB-25	2025	1	CBHT	
681	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Hoàng Đức	2507060044	2NB-25	2025	1	CBHT	
682	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Vũ Anh Thư	2507060175	2NB-25	2025	1	CBHT	
683	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2507060183	2NB-25	2025	10	CBBTH	
684	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phùng Thị Ngân Huyền	2407060129	3NB-25	2025	1	CBHT	
685	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lương Ngọc Anh	2507060005	3NB-25	2025	1	CBHT	
686	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lữ Hồng Nhung	2507060139	3NB-25	2025	1	CBHT	
687	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phạm Hoàng Gia An	2507060002	4NB-25	2025	1	CBHT	
688	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Phạm Quỳnh Anh	2507060014	4NB-25	2025	1	CBHT	
689	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Đàm Hương Giang	2507060047	4NB-25	2025	1	CBHT	
690	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lại Nguyễn Trà My	2507060114	4NB-25	2025	10	CBBTH	
691	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Lê Cao Diệu Thảo	2507060157	4NB-25	2025	1	CBHT	
692	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Vũ Hoàng Hải Anh	2507060019	6NB-25	2025	1	CBHT	
693	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Giang Thị Kiều Trang	2507060177	6NB-25	2025	1	CBHT	
694	Khoa tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Nghiêm Kiều Trang	2507060178	6NB-25	2025	1	CBHT	
695	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần An Phương	2107030076	1P-21	2021	10	CBBTH	
696	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Lâm Khánh Hiền	2107030037	2P-22	2021	2, 4, 10	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
697	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Thị Huyền Trang	2107030104	3P-21	2021	1	CBHT	
698	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Hà Cẩm Tú	2107030109	3P-21	2021	1	CBHT	
699	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trịnh Khánh Nhi	2207030085	2P-23	2022	2, 4	CBHT	
700	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Lê Khánh Linh	2307030063	1P-23	2023	2, 6	CBBTH	
701	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Lương Ngọc Hà	2307030042	3P-23	2023	1, 2, 4	CBHT	
702	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Lê Thị Thanh An	2307030001	4P-23	2023	1, 2, 4	CBHT	
703	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Thị Phương Thảo	2307030106	4P-23	2023	2	CBHT	
704	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Nhật Lam	2407030011	1P-24	2024	1, 4, 2	CBHT	
705	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Hà Phương Anh	2407030026	1P-24	2024	2, 10	CBBTH	
706	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Tuệ Văn	2407030027	1P-24	2024	1, 4, 2, 6	CBBTH	
707	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Ngọc Lan Hương	2407030021	2P-24	2024	1, 2	CBHT	
708	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Huyền Trang	2407030044	2P-24	2024	1	CBHT	
709	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Đặng Thị Hương Trà	2407030095	2P-24	2024	1, 4	CBHT	
710	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Lê Bảo Châu	2407030123	2P-24	2024	1, 4, 2	CBHT	
711	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Đỗ Thuý Dương	2407030038	3P-24	2024	1, 4	CBHT	
712	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Thị Yên Chi	2407030088	3P-24	2024	1, 2	CBHT	
713	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Ngô Thị Thanh Huyền	2407030109	4P-24	2024	1, 2, 4	CBHT	
714	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Thị Hồng Đào	2507030031	2P-25	2025	4, 10	CBBTH	
715	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Doãn Huyền My	2507030088	2P-25	2025	4	CBHT	
716	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Mai Thị Yên Nhi	2507030093	2P-25	2025	1, 4	CBHT	
717	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Vũ Trí Đức	2507030032	3P-25	2025	1, 4	CBHT	
718	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Đặng Doãn Tiến	2507030122	4P-25	2025	1, 4	CBHT	
719	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Phạm Thị Thùy Dương	1807030024	3P-18	2018	7	CBBTH	
720	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Thị Ngọc Bích	1807030015	3P-19	2018	7	CBBTH	
721	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Thị Khánh Ly	2007030054	1P-20	2020	10	CBBTH	
722	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Thị Hương Sen	2007030078	1P-20	2020	10	CBBTH	
723	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Dương Thị Thành	2007030081	1P-20	2020	10	CBBTH	
724	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Đỗ Trường Thịnh	2007030087	1P-20	2020	10	CBBTH	
725	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Thị Huyền Trang	2007030101	1P-20	2020	10	CBBTH	
726	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Lê Thị Nhung	2007030068	2P-20	2020	10	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
727	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Anh Thu	2007030091	2P-20	2020	10	CBBTH	
728	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Ngô Lê Chúc An	2007030001	3P-20	2020	10	CBBTH	
729	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trang Thị Hải Hà	2007030030	3P-20	2020	7	CBBTH	
730	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Đinh Thị Minh Ngọc	2007030062	3P-20	2020	10	CBBTH	
731	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Linh Giang	2007030027	4P-20	2020	7	CBBTH	
732	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Ngô Thị Linh	2007030050	4P-20	2020	7	CBBTH	
733	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Dương Thị Như Quỳnh	2007030075	4P-20	2020	10	CBBTH	
734	Khoa tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Huyền Trang	2007030103	4P-21	2020	10	CBBTH	
735	Khoa tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Nguyễn Linh Chi	2101000011	2TT-21	2021	10	CBBTH	
736	Khoa tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Nguyễn Quỳnh Trang	2401000003	1TT-24	2024	1	CBHT	
737	Khoa tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Phạm Quỳnh Hoa	2501000020	1TT-25	2025	10	CBBTH	
738	Khoa tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Nguyễn Thu Trang	2001000061	1TT-20	2020	10	CBBTH	
739	Khoa tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Nguyễn Phương Thảo	2001000052	2TT-20	2020	7	CBBTH	
740	Khoa tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Lê Quý Vũ	2001000068	2TT-20	2020	10	CBBTH	
741	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Bùi Nguyên Quang Anh	2107080001	2TB-21	2021	4	CBHT	
742	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thị Anh Thu	2107080065	3TB-22	2021	2, 10	CBBTH	
743	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Tạ Thị Hoàng Lan	2207080050	1TB-22	2022	1, 4	CBHT	
744	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Lê Ngọc Mẫn	2207080062	1TB-22	2022	2, 4, 6	CBBTH	
745	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nông Thị Khuyên	2207080049	1TB-23	2022	2	CBHT	
746	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Văn Anh	2207080012	2TB-22	2022	1, 2, 6,5	CBBTH	
747	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Khúc Mai Chi	2207080024	2TB-22	2022	1, 2, 4, 6	CBBTH	
748	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Phùng Quang Minh	2207080063	2TB-22	2022	1	CBHT	
749	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Thị Hải Anh	2207080016	3TB-22	2022	2, 6	CBBTH	
750	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Mai Ly	2207080060	3TB-22	2022	2, 6	CBBTH	
751	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hoàng Minh Châu	2307080011	1TB-23	2023	2, 4, 6	CBBTH	
752	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Huyền Phương	2307080077	1TB-23	2023	1, 2, 4, 6	CBBTH	
753	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thị Hải Anh	2307080005	2TB-23	2023	2, 6	CBBTH	
754	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hà Mỹ Dung	2307080013	2TB-23	2023	2, 4	CBHT	
755	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đỗ Hương Xuân	2307080107	2TB-23	2023	2, 4, 6, 10	CBBTH	
756	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thị Thúy Hiền	2307080025	3TB-23	2023	2, 6,5	CBBTH	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
757	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thanh Hương	2307080032	3TB-23	2023	1, 2, 6	CBBTH	
758	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Phạm Khánh Linh	2307080047	3TB-23	2023	2, 6	CBBTH	
759	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hoàng Thị Chà My	2307080061	3TB-23	2023	2, 6	CBBTH	
760	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Hương Linh	2407080005	1TB-24	2024	1, 2, 4, 6	CBBTH	
761	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đinh Hà Vi	2407080027	1TB-24	2024	1	CBHT	
762	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đỗ Thanh Bình	2407080044	1TB-24	2024	1, 2	CBHT	
763	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Mai Diễm Quỳnh	2407080073	1TB-24	2024	1, 2, 4	CBHT	
764	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hà Dương Minh Phương	2407080074	1TB-24	2024	1, 6	CBBTH	
765	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thu Hiền	2407080076	1TB-24	2024	1, 2	CBHT	
766	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thị Huyền Nga	2407080090	1TB-24	2024	2, 4, 6, 10	CBBTH	
767	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đỗ Bảo Trâm	2407080091	1TB-24	2024	1	CBHT	
768	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Mai Thị Bích Phương	2407080008	2TB-24	2024	2	CBHT	
769	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đỗ Hoàng Phục Gia	2407080049	2TB-24	2024	2	CBHT	
770	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đặng Diệu Linh	2407080051	2TB-24	2024	1	CBHT	
771	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đỗ Minh Khuê	2407080103	2TB-24	2024	2, 4, 6, 10	CBBTH	
772	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Lâm Trúc Anh	2407080006	3TB-24	2024	1	CBHT	
773	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Minh Thư	2407080021	3TB-24	2024	1, 2	CBHT	
774	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Phạm Nhật Huy	2407080025	3TB-24	2024	2	CBHT	
775	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Phương Uyên	2407080047	3TB-24	2024	1, 2, 4, 6	CBBTH	
776	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Vũ Linh Chi	2407080057	3TB-24	2024	1, 2, 4, 6	CBBTH	
777	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Lê Hà Anh	2407080070	3TB-24	2024	1, 2	CBHT	
778	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hà Hương Lan	2407080080	3TB-24	2024	1, 2, 4	CBHT	
779	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Khánh Chi	2407080084	3TB-24	2024	2, 6	CBBTH	
780	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đào Thị Phương Anh	2507080003	1TB-25	2025	10	CBBTH	
781	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Trung Anh	2507080013	1TB-25	2025	1, 4	CBHT	
782	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Hiếu Minh	2507080061	1TB-25	2025	1, 2, 4	CBHT	
783	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Doãn Toàn	2507080089	1TB-25	2025	4, 10	CBBTH	
784	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Cao Thu Trang	2507080090	1TB-25	2025	1, 4	CBHT	
785	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Trà Mi	2507080059	2TB-25	2025	10	CBBTH	
786	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đinh Thế Vũ	2507080103	2TB-25	2025	1, 4	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT / CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
787	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đoàn Bích Ngọc Anh	2507080004	3TB-25	2025	1, 4	CBHT	
788	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đinh Thị Khánh Ly	2507080056	3TB-25	2025	1	CBHT	
789	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Lê Thị Ngân	2507080064	3TB-25	2025	1	CBHT	
790	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	2507080073	3TB-25	2025	10	CBBTH	
791	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Bùi Minh Nhật	2507080074	3TB-25	2025	1, 2, 4	CBHT	
792	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đặng Văn Tuấn Hùng	1807080028	1TB-18	2018	7	CBBTH	
793	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Ngọc Anh	1807080007	2TB-18	2018	7	CBBTH	
794	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hoàng Khắc Thuận	1807080072	2TB-18	2018	7	CBBTH	
795	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Trường Minh	1907080049	3TB-19	2019	7	CBBTH	
796	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Hoàng Phan Hiếu Trung	1907080083	3TB-19	2019	7	CBBTH	
797	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	2007080055	1TB-20	2020	7	CBBTH	
798	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Phương Thị Thùy Linh	2007080041	2TB-20	2020	7	CBBTH	
799	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Yến Nhi	2007080056	2TB-20	2020	10	CBBTH	
800	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Lê Minh Phương	2007080059	2TB-20	2020	10	CBBTH	
801	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Đinh Phương Chi	2007080012	3TB-20	2020	10	CBBTH	
802	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Dương Thị Thúy Hòa	2007080029	3TB-20	2020	7	CBBTH	
803	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Trần Thị Hương	2007080036	3TB-20	2020	7	CBBTH	
804	Khoa tiếng TBN	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	Quách Thanh Ngọc	2007080049	3TB-20	2020	7	CBBTH	
805	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trần Thị Hương	2107040073	1T-21	2021	1	CBHT	
806	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Đức An	2207040001	1T-22	2022	6	CBBTH	
807	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Thị Duyên	2207040216	7T-22	2022	2	CBHT	
808	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Quách Huyền Trang	2307040165	1T-23	2023	1	CBHT	
809	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Vy Thùy Mai	2307040186	1T-23	2023	1	CBHT	
810	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tạ Thị Bích Loan	2307040085	2T-23	2023	1	CBHT	
811	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Lương Thanh Trà	2307040195	3T-23	2023	2	CBHT	
812	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Thị Huệ	2307040184	5T-23	2023	10	CBBTH	
813	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Bùi Tuấn Anh	2307040185	6T-23	2023	6	CBBTH	
814	Khoa tiếng TQ	Ngôn Ngữ Trung Quốc	Đoàn Thị Mai Anh	2207190003	1T-24	2024	10	CBBTH	CN2
815	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đặng Minh Khuê	2407040092	3T-24	2024	6	CBBTH	
816	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trịnh Huyền Trang	2307040168	4T-24	2024	2	CBHT	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Lý do CBHT /CBBTH	HT xử lý học vụ	Ghi chú
817	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Lan Phương	2407040132	5T-24	2024	2	CBHT	
818	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Hoàng Thị Thảo Hiền	2407040170	5T-24	2024	4	CBHT	
819	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Hoàng Hà Nhi	2207040227	6T-24	2024	5	CBBTH	
820	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trần Hà Vy	2507040240	1T-25	2025	4	CBHT	
821	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trần Ngọc Linh	2107190034	1T-25	2025	1	CBHT	CN2
822	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Hà Thùy Dương	2507040048	4T-25	2025	1	CBHT	
823	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Vũ Đức Quân	2207040145	5T-25	2025	6	CBBTH	
824	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Thị Kim Ngân	2507040138	5T-25	2025	4	CBHT	
825	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Ngọc Linh	2507040102	7T-25	2025	1	CBHT	
826	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CLC	Trần Minh Yên	2107140116	1T-21C	2021	1	CBHT	
827	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CLC	Trần Thị Quỳnh Anh	2107140009	3T-21C	2021		CBBTH	
828	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CLC	Lương Quỳnh Nga	2007020092	1T-22C	2022	7	CBBTH	CN2
829	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CLC	Đặng Quỳnh Trang	2307140092	1T-23C	2023	6	CBBTH	
830	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CLC	Khương Hải Yên	2307140106	3T-23C	2023	6	CBBTH	
831	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Nguyễn Thu Hà	2407240014	1T-24TT	2024	1	CBHT	
832	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Nguyễn Thanh Hằng	2507240037	1T-25TT	2025	4	CBHT	
833	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Ngô Văn Long	2507240064	1T-25TT	2025	1	CBHT	
834	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Nguyễn Hà Vy	2507240108	1T-25TT	2025	1	CBHT	
835	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Nguyễn Hà Linh	2507240055	2T-25TT	2025	6	CBBTH	
836	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Nguyễn Thuỳ Linh	2507240058	2T-25TT	2025	4	CBHT	
837	Khoa tiếng TQ	Ngôn ngữ Trung Quốc - CTTT	Lê Phương Nga	2507240072	3T-25TT	2025	1	CBHT	

Danh sách gồm 837 sinh viên. ✓

BẢO TÀNG